

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Bản án số 18/2023/DS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2023
*"V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất"*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hà.**
Ông **Nguyễn Văn Hùng.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trương Thị Hoàn**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tùng Lâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Toà án nhân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân thụ lý số 127/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXX-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/ 2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa:

** Nguyên đơn:*

1- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Có mặt)

2- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Có mặt)

3- Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1975; Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Vắng mặt)

4- Bà Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1978; Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Mai Th: Ông Trần Đức Hoàng, luật sư, Công ty luật TNHH Vũng Tàu. (Có mặt)

** Bị đơn:* Ông Lương Văn T, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.(Có mặt)

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đất Đỏ. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn Hùng, chức vụ Giám Đốc. (Vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1- Bà Cao Thị Sự, sinh năm 1954; Địa chỉ: tổ 12, ấp Phước Trung, xã Phước Long Thọ Huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2- Bà Đoàn Thị Ngọc Ánh, sinh năm 1957; Địa chỉ: Khu phố Long Liên, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3- Ông Nguyễn Văn Hình, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp Thanh An, xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/07/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thể hiện như sau:* Ông Nguyễn Văn Giang, sinh năm 1932 (Chết năm 2004) và bà Nguyễn Thị Tốt, sinh năm 1935 (Chết năm 1985). Ông với bà có chung với nhau 6 người con gồm Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thùy Tr và Nguyễn Thị Mai Th. Sinh thời ông bà có tài sản là quyền sử dụng đất tại xã L. Tài sản này được hình thành sau giải phóng năm 1975, ông Giang, bà Tốt di cư đến vùng kinh tế mới xã L, được Nhà nước giao cho một thửa đất có diện tích khoảng 1,3 ha (nay là thửa đất số 27, 39 bà N đang quản lý sử dụng) tọa lạc tại ấp L để khai hoang, làm nhà ở và sản xuất. Việc giao đất và khai hoang đất không có giấy tờ chứng minh, nhưng có nhiều người biết chứng kiến. Năm 1985 ông Giang chuyển sang nghề chăn thả vịt nên giao đất lại đến cho 6 anh chị em cùng quản lý sử dụng. Đến năm 1992 Nhà nước có chủ trương xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng bà N, ông T đã lén lút kê khai đăng ký cấp giấy mà anh em không ai hay biết. Sau khi ông Giang, bà Tốt chết, bà N ông T đã tách thửa đất số 27 chuyển nhượng cho người khác mà không chia tiền cho các em, Nhà nước có thu hồi đất làm đường hỗ trợ tiền bà N cũng không chia.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Giang, bà Tốt là quyền sử dụng đất thửa đất số 39 và 27, đối với thửa đất số 27 bà N đã chuyển nhượng yêu cầu chia bằng giá trị thị trường thời điểm giải quyết vụ án và chia số tiền Nhà nước hỗ trợ thu hồi đất, yêu cầu được hưởng suất thừa kế bằng 1/6 khối di sản. Bà L thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá đất, từ ngày đo vẽ đất đến nay hiện trạng không có gì thay đổi, bà L không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng, hay yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ.

+ *Các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị Mai Th trình bày tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải:* Các ông, bà thống nhất như lời trình bày của bà L về quan hệ nhân thân và di sản chưa chia, yêu cầu tòa án chia thừa kế di sản của ông Giang, bà Tốt là quyền sử dụng đất thửa

đất số 39 và 27, đối với thửa đất số 27 bà N đã chuyển nhượng yêu cầu chia bằng giá trị và chia số tiền nhà Nước hỗ trợ thu hồi đất. Yêu cầu được hưởng mỗi người suất thừa kế bằng 1/6 khối di sản.

** Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Lương Văn T trình bày:* Bà N và ông T thống nhất về quan hệ gia đình, ông Giang với bà Tốt thực tế có đến 10 người con, nhưng chết tuyệt tự 4 còn lại 6 người như các nguyên đơn trình bày. Về di sản của ông Giang và bà Tốt như các nguyên đơn trình bày là không đúng vì ông Giang và bà Tốt không có khai khẩn đất mà đất là do bà N khai khẩn. Bà N là con gái lớn trong gia đình thấy cuộc sống khó khăn nên mới thoát ly ra ngoài đi làm ăn. Thời gian lâu lắm nên không còn nhớ năm nào, bà N đến xã L tại vị trí đất mà các nguyên đơn tranh chấp hành nghề đốn củi, hầm than và sinh sống tại vị trí đất làm lò than, khu vực này trước đây là rừng hoang, có ít người sinh sống. Năm 1982 bà N kết hôn cùng ông T, ông T về sống cùng bà N cả hai người cùng góp công sức cải tạo đất làm ăn sinh sống đến ngày nay. Trước đây là thửa đất số 261, 413, 417 nay là thửa đất số 27, 39. Sau khi bà N, ông T có cuộc sống ổn định được sự đồng ý của ông T, bà N mới đưa cha, mẹ cùng các em ruột của bà N về sống chung trên đất. Do đất có nguồn gốc là của vợ chồng bà N không phải của ông Giang, bà Tốt nên vào năm 1992 ông T kê khai đăng ký, thời điểm này ông Giang vẫn còn sống biết ông T đăng ký nhưng không có ý kiến, không tranh chấp gì. Đất có nguồn gốc của vợ chồng bà N tự khai hoang mà có, được Nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không là di sản của ông Giang, bà Tốt. Bà N, ông T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan. Hiện trên thửa đất bà N, ông T có cho ông H và ông H tạm sử dụng 1 phần để ở, khi nào cần thiết bà N, ông T sẽ yêu cầu trả lại đất. Bà N, ông T thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá đất, từ ngày đo vẽ đất đến nay hiện trạng vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi, bà N ông T không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng, hoặc yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn H trình bày tại bản khai, biên bản hòa giải:* Ông H thống nhất như lời trình bày của các nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông Giang, bà Tốt là quyền sử dụng đất thửa đất số 39 và 27, đối với thửa đất số 27 bà N đã chuyển nhượng yêu cầu chia bằng giá trị và chia số tiền nhà nước hỗ trợ thu hồi đất, yêu cầu được chia 1/6 trong tổng giá trị di sản của ông Giang, bà Tốt.

** Tại Công văn số 07/NHNo/BRVT-HĐĐ-KHKD.m ngày 08/5/2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Đất Đỏ thể hiện:* Ông T bà L đang thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 39 tờ bản đồ số 41 xã L đảm bảo cho khoản vay 120.000.000đ, hiện nay hộ ông T đã thanh toán được 80.000.000đ còn nợ lại Ngân hàng 40.000.000đ, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập và xin từ chối tham gia tố tụng.

** Người làm chứng:* Các ông bà Nguyễn Văn Hình, Cao Thị Sự, Đoàn Thị Ngọc Ánh xác nhận thấy ông Giang bà Tốt là người khai khẩn đất, đất có nguồn gốc

của ông Giang và bà Tốt, còn việc ông Giang, bà Tốt có cho bà N hay không thì các ông bà không biết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm như sau: Đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Giang, bà Tốt, tuy không có chứng cứ thể hiện bằng văn bản vì tại thời điểm đó việc quản lý sử dụng đất chưa được quan tâm, nhưng các nhân chứng đã khẳng định thấy ông Giang bà Tốt là người khai khẩn và sử dụng đất. Ông Giang chuyển nghề chăn thả vịt nhưng vẫn ở trên đất không từ bỏ quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là có sai sót, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày các đương sự, và tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy: Về nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính đơn xin cấp giấy ông T khai nguồn gốc do khai hoang, giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho ông T vào năm 1998, thời điểm này ông Giang vẫn còn sống nhưng không có ý kiến. Các nguyên đơn cho rằng đất có nguồn gốc của ông Giang, bà Tốt là di sản của ông bà, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc ông Giang, bà Tốt là người sử dụng đất, thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất như đăng ký, kê khai đất. Yêu cầu chia di sản của các nguyên đơn và người liên quan là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên Tòa các nguyên đơn không tranh chấp số tiền bồi thường về đất nên đình chỉ yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư và các đương sự;

XÉT THẤY

* **Về tố tụng:** Các nguyên đơn và người liên quan khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, vị trí đất tranh chấp tại xã L, huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc vắng mặt: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt bà Tr phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam từ chối không tham gia tố tụng.

* **Về nội dung:**

[1] Các nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Theo trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/100 ngày 16/3/2023 và Mảnh trích đo địa chính số 544-2022 ngày 08/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ thửa đất số 39

tờ bản đồ số 41 xã L có diện tích 3.454,8m²; thửa đất số 27 tờ bản đồ số 41 xã L có diện tích 2.760m²; Về tiền bồi thường hỗ trợ về đất theo Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 số tiền bồi thường hỗ trợ là 8.382.500đ trong đó bồi thường về đất là 3.061.600đ. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 24/9/1998, tách thửa được Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ cấp lại thửa 39 cho ông T tại giấy chứng nhận số AN 435869 ngày 15/01/2009; Thửa 27 ông T chuyển nhượng cho ông Ngô Viết Nhứt được Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Viết Nhứt ngày 22/7/2008, ông Nhứt chuyển nhượng lại cho bà Đặng Thiều Duyên được chỉnh lý Tr 4 của giấy chứng nhận ngày 11/8/2017. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 39 bằng hiện vật, còn thửa đất số 27 do bà N đã chuyển nhượng chỉ yêu cầu chia bằng giá trị theo giá trị trường tại thời điểm giải quyết vụ án; Tại phiên tòa các nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập rút yêu cầu chia số tiền bồi thường hỗ trợ thu hồi đất làm đường, yêu cầu chia làm 6 phần mỗi người được nhận 1/6. Bị đơn không thừa nhận là di sản thừa kế nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập. Trong quá trình thụ lý, hòa giải và tại phiên tòa các bên không thống nhất được nguồn gốc đất, không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Nguyên và bị đơn không thống nhất với nhau, theo các nguyên đơn đất có nguồn gốc của ông Giang, bà Tốt, khoảng thời gian sau giải phóng năm 1975 đi lập nghiệp được xã giao đất khai hoang theo chủ trương phát triển vùng kinh tế mới nhưng không có văn bản giấy tờ gì thể hiện; Các nhân chứng bà Sự, ông Hình, bà Ánh xác định vị trí đất tranh chấp là do ông Giang, bà Tốt khai hoang. Bị đơn cho rằng đất do bị đơn khai hoang vào khoảng thời gian trước năm 1982, sau đó lập gia đình và cùng chồng là ông T sống trên đất tiếp tục khai hoang sử dụng đất đến nay. Ông Giang, bà Tốt hiện nay không còn sống, hiện trạng đất tranh chấp thửa 27 ông T đã chuyển nhượng, thửa 39 ông T, bà N đang quản lý sử dụng. Hồ sơ địa chính ông T kê khai năm 1994 nguồn gốc do khai hoang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông T, để xác định nguồn gốc đất do ai khai khẩn cần phải xem xét các quan hệ khác.

[3] Xét quá trình sử dụng đất và tính pháp lý của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hiện trạng đất do ông T bà N quản lý sử dụng, theo ông bà thì quá trình quản lý sử dụng đất liên tục từ ngày khai hoang cho đến nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đơn xin cấp giấy chỉ ngày 10/8/1994 do ông T đứng tên ghi nguồn gốc đất do khai phá, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông T vào ngày 24/9/1998 thời điểm này ông Giang vẫn còn sống, nhưng ông Giang không có ý kiến, không tranh chấp. Như vậy, đối chiếu quy định của pháp luật về đất đai người sử dụng đất có nguồn gốc rõ ràng, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được xem xét cấp giấy (Điều 2 Luật Đất đai năm 1993). Bà N, ông T là người tiếp quản lý sử dụng đất có kê khai nguồn gốc, sử dụng ổn định, không bị tranh chấp được Nhà

nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Các nguyên đơn cho rằng đất có nguồn gốc của ông Giang bà Tốt nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Giang, bà Tốt có sử dụng đất, có thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất như đăng ký kê khai đất. Ông T không phải là con ruột mà đang ký kê khai đất ông không có ý kiến phản đối, tranh chấp, chứng tỏ rằng đất không phải của ông Giang, bà Tốt.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Như đã phân tích ở trên đất không phải của ông Giang và bà Tốt nên không là di sản của ông, bà yêu cầu khởi kiện chia di sản của các nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu chia đối với số tiền hỗ trợ thu hồi đất nên đình chỉ phần yêu cầu này.

[5] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng gồm có chi phí thẩm định, định giá là 3.000.000đ, chi phí đo vẽ trích lục là 3.140.000đ tổng cộng là 6.140.000đ các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng.

[6] Về án phí: Các nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản tranh chấp: Theo biên bản thẩm định, định giá ngày 18/11/2022 đất có giá trị thường là 2.000.000đ/m²; 6.214,8m² x 2.000.000đ = 12.429.600.000đ chia 6 mỗi suất thừa kế theo yêu cầu là 2.071.600.000đ, tiền án phí phải chịu là 73.432.000đ. Bị đơn không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 165, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 609, 612 Bộ luật dân sự; Các Điều 2, Điều 3 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị Mai Th và người liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bị đơn ông Lương Văn T, bà Nguyễn Thị N chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 39 và 27 tờ bản đồ số 41 xã L, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị Mai Th, ông Nguyễn Văn H đối với số tiền Nhà nước đã bồi thường hỗ trợ về đất đối với thửa đất 39 (135) tờ bản đồ số 41 xã L cho ông Lương Văn T, bà Nguyễn Thị N.

3- Về chi phí tố tụng: Các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.140.000đ (Sáu triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng.

4- Về án phí: Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị Mai Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch là 73.432.000đ.(Bảy mươi ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp của mỗi người là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo các biên lai thu số 000984, 000985, 000986, 000987 cùng ngày 17/10/2022 và biên lai thu số 0010184 ngày 23/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Nguyễn Thị Mai Th, ông Nguyễn Văn H mỗi người còn phải nộp số tiền án phí có giá ngạch là 72.432.000đ (Bảy mươi hai triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng). Bị đơn ông Lương Văn nT, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

5- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/5/2023) các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

NGUYỄN VĂN TIẾN